

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Phú, ngày 10 tháng 4 năm 2026

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện
dự toán ngân sách xã 3 tháng đầu năm năm 2026 xã Hưng Phú

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;
Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã khóa I, kỳ họp thứ năm phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2026;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã.

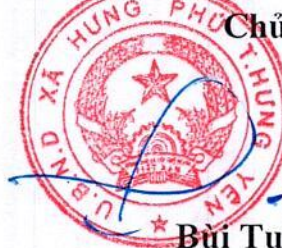
Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 3 tháng đầu năm 2026 của xã Hưng Phú

Hình thức công khai: Công khai trên trang thông tin điện tử của xã

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Phòng Kinh tế xã tổ chức thực hiện Quyết định này. / *Đã*

- Như điều 3;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu văn thư.

Chủ tịch



Bùi Tuấn Anh

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 của UBND xã Hưng Phú)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	TỔNG THU	745.163	111.749	15%
I	Thu NSNN trên địa bàn	559.028	8.515	1,5%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	186.135	77.455	42%
-	Bổ sung cân đối ngân sách	152.562	38.142	25%
-	Bổ sung mục tiêu	33.573	39.313	117%
III	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang		25.779	
IV	Thu kết dư năm trước chuyển sang			
B	TỔNG CHI	745.163	48.721	7%
I	Chi đầu tư phát triển	554.400	12.253	2%
II	Chi thường xuyên	142.957	31.597	22%
III	Dự phòng	14.233		
IV	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp từ ngân sách cấp trên	17.502	4.871	28%
V	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu thực hiện chính sách an sinh xã hội năm 2026 từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách cấp tỉnh	16.071		

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 914 /QĐ-UBND ngày 10/4/2026 của UBND xã Hưng Phú)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao	Dự toán HĐND xã giao	Thực hiện 6 tháng	Ước đạt
Tổng thu		745.163	745.163	111.749	15%
I	Thu trên địa bàn	559.028	559.028	8.515	1,5%
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	810	810	61	7%
2	Lệ phí trước bạ	1.950	1.950	344	18%
3	Thuế sử dụng đất PNN	70	70	2	2%
4	Thuế Thu nhập cá nhân	1.250	1.250	374	30%
5	Phí, lệ phí	105	105	2	2%
6	Thu tiền sử dụng đất	554.400	554.400	7.730	1%
7	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	33	33		
8	Thu khác	267	267	2	1%
9	Thu từ đất công ích và đất công	143	143		
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	186.135	186.135	77.455	42%
1	Trợ cấp cân đối	152.562	152.562	38.142	25%
2	Trợ cấp mục tiêu	33.573	33.573	39.313	117%
III	Thu chuyển nguồn			25.779	
IV	Thu kết dư				

THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHINH SÁCH XÃ 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 914 /QĐ-UBND ngày 10 /4/2026 của UBND xã Hưng Phú)

Đơn vị: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán tỉnh giao	Dự toán HĐND xã giao	Thực hiện 6 tháng	Ước đạt
Tổng chi		745.163	745.163	48.721	7%
I	Chi đầu tư phát triển	554.400	554.400	12.253	2%
-	Chi đầu tư XD CB	554.400	554.400	12.253	2%
II	Chi thường xuyên	142.957	142.957	31.597	22%
1	Chi Quốc phòng		956	122	13%
2	Chi An ninh		114	265	231%
3	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo		78.590	13.487	17%
4	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		1.206		
5	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		10.456	4.306	41%
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, TDTT, truyền thanh		300	97	32%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		1.355	100	7%
8	Chi đảm bảo xã hội		11.544	4.252	37%
9	Chi các hoạt động kinh tế		4.775	541	11%
10	Chi hoạt động QLNN, Đảng, Đoàn thể		29.371	8.427	29%
11	Chi hoạt động thường xuyên theo tiêu chí dân số		1.858		
12	Chi khen thưởng		516		
13	Chi khác		1.916		
III	Dự phòng	14.233	14.233		
IV	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp từ ngân sách cấp trên	17.502	17.502	4.871	28%
-	KP thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng từ nguồn NSTW	17.502	17.502	4.871	28%
V	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu thực hiện chính sách an sinh xã hội năm 2026 từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách cấp tỉnh	16.071	16.071		